Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9302.00.00

Mã HS	9302.00.00
Mô tả hàng hóa	Súng lục ổ quay và súng lục, trừ các loại thuộc nhóm 93.03 hoặc 93.04
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 22:32:01
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/93020000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18420
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18420
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18420
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AANZFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
ACFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AJCEP	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
ATIGA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục A)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục D)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục E)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục F)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VCFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VJEPA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AC!E17742
ATIGA	2022	2022	*	AT!E17671
ATIGA	2023	2023	*	AT!F17671
ATIGA	2024	2024	*	AT!G17671
ATIGA	2025	2025	*	AT!H17671
ATIGA	2026	2026	*	AT!I17671
ATIGA	2027	2027	*	AT!J17671
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	AJ!E17727
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	AJ!F17727

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	AJ!G17727
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	AJ!H17727
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	AJ!I17727
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	AJ!J17727
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	VJ!E17728
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	VJ!F17728
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	VJ!G17728
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	VJ!H17728
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	VJ!I17728
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	VJ!J17728
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AK!F17733
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AANZ!H17690
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F17685
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G17685
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H17685
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I17685
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J17685
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K17685
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17731
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17731
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17731
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17731
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17731
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17731
VCFTA	2022	2022	*	VC!D17793
VCFTA	2023	2023	*	VC!E17793

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	*	VC!F17793
VCFTA	2025	2025	*	VC!G17793
VCFTA	2026	2026	*	VC!H17793
VCFTA	2027	2027	*	VC!I17793
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D17771
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E17771
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F17771
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G17771
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H17771
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I17771
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D17764
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E17764
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F17764
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G17764
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H17764
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I17764
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17794
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17794
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17794
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17794
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17794
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17794
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17793
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17793
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17793
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17793

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17793
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17793
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17887
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17887
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17887
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17887
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17887
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17887
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17887
RCEP A	2022	2022	*	RCEPT-A!D17756
RCEP A	2023	2023	*	RCEPT-A!E17756
RCEP A	2024	2024	*	RCEPT-A!F17756
RCEP A	2025	2025	*	RCEPT-A!G17756
RCEP A	2026	2026	*	RCEPT-A!H17756
RCEP A	2027	2027	*	RCEPT-A!I17756
RCEP B	2022	2022	*	B!D17756
RCEP B	2023	2023	*	B!E17756
RCEP B	2024	2024	*	B!F17756
RCEP B	2025	2025	*	B!G17756
RCEP B	2026	2026	*	B!H17756
RCEP B	2027	2027	*	B!I17756
RCEP C	2022	2022	*	C!D17754
RCEP C	2023	2023	*	C!E17754
RCEP C	2024	2024	*	C!F17754
RCEP C	2025	2025	*	C!G17754
RCEP C	2026	2026	*	C!H17754

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	*	C!I17754
RCEP D	2022	2022	*	D!D17753
RCEP D	2023	2023	*	D!E17753
RCEP D	2024	2024	*	D!F17753
RCEP D	2025	2025	*	D!G17753
RCEP D	2026	2026	*	D!H17753
RCEP D	2027	2027	*	D!I17753
RCEP E	2022	2022	*	E!D17757
RCEP E	2023	2023	*	E!E17757
RCEP E	2024	2024	*	E!F17757
RCEP E	2025	2025	*	E!G17757
RCEP E	2026	2026	*	E!H17757
RCEP E	2027	2027	*	E!I17757
RCEP F	2022	2022	*	F!D17756
RCEP F	2023	2023	*	F!E17756
RCEP F	2024	2024	*	F!F17756
RCEP F	2025	2025	*	F!G17756
RCEP F	2026	2026	*	F!H17756
RCEP F	2027	2027	*	F!I17756
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16639
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16639
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16639
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16639

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Cấm XK, NK thuộc QLCN của BQP (173/2018/TT-BQP)		173/2018/TT-BQP	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM SPHH nhóm 2 (9981/QĐ-BCA 2019)		9981/QĐ-BCA	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH có khả năng gây mất an toàn (6266/QĐ-BCA 2023)		6266/QĐ-BCA	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SP HH nhóm 2 (9981/QĐ-BCA 2019)		9981/QĐ-BCA	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9302.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9302.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18420), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

Cấm XK, NK thuộc QLCN của BQP (173/2018/TT-BQP)
DM SPHH nhóm 2 (9981/QĐ-BCA 2019)
SPHH có khả năng gây mất an toàn (6266/QĐ-BCA 2023)
SP HH nhóm 2 (9981/QĐ-BCA 2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.